

Bản án số: 58/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/7/2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Thái Văn Lộc

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Dương T Tòng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tr T T- sinh năm 1951;

Địa chỉ: Tổ 6, ấp LT, xã HT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Ông TR Đ D- sinh năm 1942;

Địa chỉ: ấp C Ô, xã HT, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

(Các đương sự vắng mặt có đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 3 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tr T T trình bày: Bà và ông TR Đ D chung sống với nhau vào năm 1978, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung đến năm 1986 thì bà phát hiện ông D có người phụ nữ khác, nên bà quyết định về quê bà tại xã Lộc Hưng (nay là xã Hưng Thuận), huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh sống đến nay, nay yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Có 03 con chung gồm Tr T P- sinh năm 1980, Tr V Nh – sinh năm 1984, Tr T L – sinh năm 1982, các con sống với ông D, nay đã trưởng thành có gia đình riêng, nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có

Tại lời khai ngày 09 tháng 5 năm 2018, bị đơn ông TR Đ D trình bày: Ông và bà T chung sống với nhau vào năm 1977, không đăng ký kết hôn, quá trình chung

sống được mấy năm sinh được 03 người con thì bà T bỏ đi ở đâu ông không biết, nay xin ly hôn ông đồng ý ly hôn.

Veà con chung: Có 03 con chung gồm Tr T P– sinh năm 1977, Tr V Nh – sinh năm 1980, Tr T L– sinh năm 1982, các con sống với ông từ nhỏ, nay đã trưởng thành có gia đình riêng, ông không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự, những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Nghị quyết số 326 về án phí lệ phí: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, bà T và ông D được ly hôn. Con chung 03 con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết; Tài sản chung, nợ chung khai không có không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; bà T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, **Hoài ãoàng xeùt xõu nhaãn ãoanh:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Tr T T là nguyên đơn và ông TR Đ D là bị đơn, có đơn xin xét xử vắng mặt, nên cần áp dụng vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T và ông D.

[2]. Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Tr T T và ông TR Đ D chung sống với nhau vào năm 1977 (bà T khai năm 1978 là không đúng), bà T và ông D sống chung không đăng ký kết hôn. Nhưng quá trình bà T và ông D sống chung trước ngày 03/01/1987, theo Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, nên được công nhận là hôn nhân thực tế, được pháp luật thừa nhận.

Quá trình bà T và ông D sống chung đến năm 1986 phát sinh mâu thuẫn, bà T về quê ở huyện TBsinh sống đến nay, giữa bà T và ông D sống ly thân nhau từ năm 1986 đến nay, nay bà T xin ly hôn với ông D, ông D đồng ý ly hôn. Do đó, giữa bà T và ông D không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của bà T là có cơ sở phù hợp.

[3]. **Veà con chung:** Có 03 con chung Tr T P- sinh năm 1977, Tr V Nh - sinh năm 1980, Tr T L- sinh năm 1982 phù hợp lời khai của ông D và thể hiện trong sổ hộ khẩu gia đình, riêng bà T khai năm sinh của chị Phụng và anh Nhường cũng như tên chị Liễu là không đúng. Các con đã trưởng thành, bà T và ông D không yêu cầu giải quyết.

[4]. Tài sản chung: Bà T, ông D không yêu cầu giải quyết, nợ chung: bà T và ông D khai không nợ, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[6]. Về án phí: Bà T phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn” của bà Tr T Đối với ông Trần Đức D.

Bà Tr T và ông TR D Được ly hôn.

2. Về con chung: Có 03 con chung Tr T P- sinh năm 1977, Tr V Nh - sinh năm 1980, Tr T L- sinh năm 1982 đã trưởng thành, bà T và ông D không yêu cầu giải quyết.

3. Tài sản chung: Bà T, ông D không yêu cầu giải quyết, nợ chung: Bà T và ông D khai không nợ, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, những khoản trích vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018909 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hưng Thuận, huyện TB và Ủy ban nhân dân xã Hòa Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

TM. HOÀI ÑOÀNG

XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nội nhân:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Cầu nông sãi;
- Lưu HS, TA.

Nguyễn Thị Thịnh

Các Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa